

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT VINCI VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT VINCI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINCI VIET NAM INTERIOR AND CONSTRUCTION TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VICOIN

2. Mã số doanh nghiệp: 0108078650

3. Ngày thành lập: 05/12/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 21, ngõ 100, đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
2.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
3.	Thu gom rác thải độc hại	3812
4.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
5.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
6.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy	4329
7.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
10.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
11.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
14.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
15.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
17.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
19.	Phá dỡ	4311
20.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
21.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
22.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
23.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
24.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
25.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
26.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình Quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng, Quản lý chất lượng xây dựng công trình;	7110

Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;

Thiết kế quy hoạch xây dựng
Thiết kế kiến trúc công trình;
Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;
Thiết kế kết cấu công trình;
Thiết kế điện - cơ điện công trình;
Thiết kế cấp - thoát nước;
Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;
Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;
Thiết kế phòng cháy - chữa cháy

Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;
Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;
Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.

Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;
Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;
Đo bóc khối lượng;
Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;
Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;

- Tư vấn Quản lý dự án xây dựng;

- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật Xây dựng 2014)

- Tư vấn trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng gồm: Tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, dự toán gói thầu xây dựng, định mức xây dựng, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng, chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng, thanh toán và quyết toán hợp đồng xây dựng; thanh toán và quyết toán vốn

	đầu tư xây dựng công trình Tur vấn Lập quy hoạch xây dựng; Khảo sát xây dựng; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Thi công xây dựng công trình;	
27.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
28.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
29.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
30.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
31.	Khai thác quặng sắt	0710
32.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội thất	7410
33.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
34.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
35.	Xây dựng công trình công ích	4220
36.	Khai thác và thu gom than non	0520
37.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
38.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
39.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
40.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
41.	Tái chế phế liệu	3830
42.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
43.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
44.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

45.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại khác (không bao gồm kinh doanh vàng)	4662
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ BÌNH MINH	Số nhà 21, ngõ 100, đường Nguyễn Xiển, Tổ 20, Cụm 5, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	51.000	510.000.000	51,000	001082023228	
			Tổng số	51.000	510.000.000	51,000		
2	LÊ HỒNG THANH	Nhà số 2, ngõ 22, Phố Ao Sen, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.500	245.000.000	24,500	011706884	
			Tổng số	24.500	245.000.000	24,500		
3	ĐẶNG HÙNG TRANG	Thôn Văn Hanh, Xã Lê Lợi, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.500	245.000.000	24,500	151477140	
			Tổng số	24.500	245.000.000	24,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ HỒNG THANH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 17/04/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011706884

Ngày cấp: 01/06/2013

Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Nhà số 2, ngõ 22, Phố Ao Sen, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà số 2, ngõ 22, Phố Ao Sen, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội